

TTĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 292/NQ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2025

CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
Giờ: C	Ngày: 24/9/2025
ĐẾN	

NGHỊ QUYẾT

về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045



CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh về hàm, cấp Ngoại giao ngày 12 tháng 6 năm 1995;

Căn cứ Nghị quyết số 1035/NQ-UBTVQH15 ngày 08 tháng 4 năm 2024 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 31 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Kết luận số 121-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (sau đây viết tắt là “Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao”).

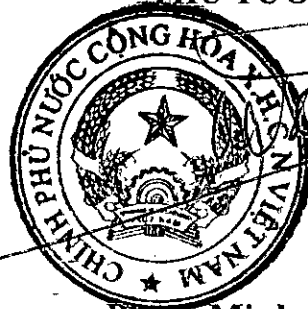
Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Thư ký TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, QHQT (02b). HQ 30

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Phạm Minh Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGOẠI GIAO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, tương xứng với thế và lực của Việt Nam, thực sự trở thành lực lượng tiên phong, nòng cốt thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

- Cụ thể hóa chủ trương, đường lối và định hướng đối ngoại thành các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

a) Bám sát chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, thông báo về chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, đặc biệt là Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Kết luận số 71-KL/TW ngày 16/02/2024 và Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 09/01/2023 của Bộ Chính trị về một số định hướng, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp lớn triển khai đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII...

b) Gắn việc xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao với cuộc cách mạng về tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị và tiến trình cải cách hành chính, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số của Chính phủ.

c) Xác định đầy đủ và chính xác các nhiệm vụ của Chính phủ, của Bộ Ngoại giao và các bộ, cơ quan, địa phương phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; nêu rõ kết quả đầu ra, thời gian thực hiện nhiệm vụ trên tinh thần đổi mới mạnh mẽ và bảo đảm tính khả thi.

d) Đáp ứng yêu cầu tình hình trong nước và tình hình quốc tế; thường xuyên rà soát, kiểm tra đánh giá, chất lọc kinh nghiệm; kịp thời tham mưu, đề xuất bổ sung, điều chỉnh chính sách, giải pháp phù hợp với tình hình mới.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, cải tiến quy trình làm việc, tăng cường cơ chế phối hợp hiệu quả với các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực đối ngoại.

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, quản lý tập trung, thống nhất đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, tăng thẩm quyền, trách nhiệm chỉ đạo điều hành trực tiếp và toàn diện của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Người đứng đầu cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

b) Xác định rõ các đặc thù của ngành Ngoại giao để thể chế hóa vào các quy định, các cơ chế, chính sách có liên quan của Đảng và Nhà nước. Nghiên cứu, kiến nghị tăng thời gian công tác nhiệm kỳ của cán bộ ngoại giao tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài lên 04 năm để phù hợp và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác.

c) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các quy định về mua sắm, đầu tư, đấu thầu, phục vụ hiệu quả hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế.

d) Hoàn thiện quy định pháp luật và cơ chế hoạt động để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Việt Nam, đóng góp vào công tác hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

đ) Đẩy mạnh cải cách hành chính trong hoạt động công vụ của ngành Ngoại giao theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tích cực chuyển đổi số; tăng cường tính năng động, linh hoạt, thích ứng.

e) Phát huy vai trò thống nhất quản lý nhà nước về đối ngoại, kết hợp nhuần nhuyễn, hiệu quả giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân; đẩy mạnh phân công, ủy quyền, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ đối ngoại, hợp tác quốc tế được giao.

g) Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban liên Chính phủ, Ủy ban hỗn hợp song phương; hoàn thiện Quy chế phối hợp triển khai công tác đối ngoại giữa Bộ Ngoại giao và các cơ quan trọng yếu.

h) Tăng cường, mở rộng sự tham gia của cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ và kinh nghiệm đối ngoại từ các bộ, cơ quan ở trung ương và địa phương tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

i) Định hướng, hỗ trợ và hướng dẫn địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch đối ngoại, tăng cường quảng bá hình ảnh, kết nối đối tác, phục vụ phát triển; nâng cao năng lực triển khai công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế của địa phương.

k) Xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế phối hợp, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc các bộ, cơ quan ở trung ương và địa phương trong việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế.

l) Hoàn thiện thể chế, chính sách phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong triển khai nhiệm vụ ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước, hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế, chia sẻ thông tin, nắm bắt cơ hội, thúc đẩy hợp tác.

2. Kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tinh gọn, hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao sau khi tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của Ban Đối ngoại Trung ương, một phần nhiệm vụ của Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội.

b) Chuẩn hóa chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của cơ quan đối ngoại, hợp tác quốc tế của các bộ, ngành và cơ quan ngoại vụ của chính quyền địa phương.

c) Phát triển hệ thống cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với định hướng đối ngoại và vai trò, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước theo từng giai đoạn cụ thể; phấn đấu đến năm 2030 có mạng lưới khoảng 115 cơ quan đại diện, tầm nhìn đến năm 2045 có khoảng 150 cơ quan đại diện Việt Nam trên toàn thế giới.

d) Nghiên cứu, chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền về các hình thức, cơ chế đại diện nhà nước mới ở nước ngoài, phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của pháp luật.

đ) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống danh mục vị trí việc làm trong lĩnh vực đối ngoại phù hợp với đặc thù tổ chức và hoạt động của Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức, đơn vị làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế ở trung ương và địa phương.

e) Rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chỉ tiêu biên chế của Bộ Ngoại giao và biên chế của các bộ, cơ quan liên quan tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài bảo đảm phù hợp, liên thông với định hướng thành lập và số lượng, cơ cấu tổ chức của các cơ quan đại diện theo từng giai đoạn.

g) Triển khai cơ chế điều chuyển biên chế linh hoạt giữa các cơ quan đại diện phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, theo hướng dành ưu tiên biên chế cho cán bộ đối ngoại, tăng cường thuê nhân viên lao động sở tại, phát huy nguồn lực của đội ngũ phu nhân/phu quân ngoại giao trên cơ sở bảo đảm an ninh chính trị nội bộ và bảo vệ bí mật nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác, tiết kiệm ngân sách.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ngoại giao và công chức, viên chức làm công tác đối ngoại của bộ, ngành ở trung ương và địa phương

a) Phát huy vai trò của Học viện Ngoại giao trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các bộ, ngành, địa phương có đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế. Tăng cường, mở rộng kết nối và hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và đa dạng hoá nguồn cung nhân lực chất lượng cao cho ngành Ngoại giao.

b) Tận dụng, triển khai hiệu quả các chính sách, quy định tuyển dụng công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước, đồng thời nghiên cứu, xây dựng và tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách đãi ngộ, thu hút và trọng dụng nhân tài, chuyên gia trong ngành Ngoại giao, phù hợp với tính chất trọng yếu, thường xuyên trong triển khai công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

c) Đẩy mạnh cải tiến chương trình, kế hoạch, phương pháp và nội dung đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng và xây dựng hệ sinh thái đào tạo và văn hóa nghiên cứu của ngành Ngoại giao, xây dựng đội ngũ cán bộ ngoại giao công tác trong nước và tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có chất lượng cao, bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và lý tưởng của Đảng, phẩm chất đạo đức tốt, năng động, sáng tạo, luôn đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết và trước hết; có chuyên môn, nghiệp vụ thành thạo, kỹ năng, tác phong chuyên nghiệp, sử dụng thành thạo ngoại ngữ.

d) Nghiên cứu, xây dựng phương án và cơ chế quy hoạch, phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ chuyên sâu trong một số lĩnh vực ưu tiên của ngành Ngoại giao.

đ) Xây dựng và ban hành cơ chế thực hiện chế độ hợp đồng chuyên gia sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số vị trí yêu cầu chuyên môn cao và kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đối ngoại.

e) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại của các bộ, cơ quan ở trung ương và địa phương đủ năng lực, điều kiện, tiêu chuẩn làm việc trong môi trường quốc tế. Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan và địa phương triển khai hiệu quả các đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm thúc đẩy, tăng cường sự tham gia của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế.

g) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế điều động, quản lý cán bộ, bao gồm cán bộ biệt phái của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, trong đó có ASEAN, Liên hợp quốc, các cơ chế hợp tác khu vực châu Á – Thái Bình Dương, các cơ chế hợp tác tiểu vùng Mê Công, Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), các cơ chế hợp tác mới ở Châu Á – Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương; cán bộ biệt phái của các bộ, ngành tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

h) Chuẩn hóa hệ thống hàm, cấp ngoại giao phù hợp với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thông lệ quốc tế. Chú trọng mở rộng phạm vi và hiệu quả của việc sử dụng hàm, cấp ngoại giao trong các hoạt động công vụ. Nghiên cứu, xây dựng chế độ, chính sách gắn với hàm, cấp ngoại giao đối với cán bộ ngoại giao trong nước.

i) Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét cải thiện chế độ sinh hoạt phí, hướng tới hoàn thiện chế độ đãi ngộ dành cho thành viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, bảo đảm cân đối với mặt bằng chung của khu vực ASEAN và các quốc gia cùng trình độ phát triển.

4. Bảo đảm ngân sách hoạt động phù hợp, đồng bộ hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, thông minh, số hóa và kết nối rộng

a) Bảo đảm đầy đủ nguồn lực tài chính cho ngành Ngoại giao thực hiện hiệu quả, thắng lợi các nhiệm vụ đối ngoại, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện đi lại, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại; duy tu, bảo trì, sửa chữa định kỳ cơ sở vật chất nhằm sử dụng hiệu quả, lâu dài.

b) Tập trung xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao đồng bộ, hiện đại, thuận tiện cho triển khai các hoạt động đối ngoại, tương xứng với thể và lực mới của đất nước, vị trí trọng yếu, thường xuyên của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

c) Quy chuẩn hóa mô hình thiết kế trụ sở cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gắn với không gian văn hóa Việt Nam.

d) Tập trung rà soát, sắp xếp cơ sở nhà đất cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Nghiên cứu phương án bố trí trụ sở làm việc chung của cơ quan đại diện và các bộ phận trực thuộc trên cùng địa bàn, đặc biệt đối với các dự án mua mới, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm an toàn, an ninh, hình ảnh quốc gia, đáp ứng yêu cầu công việc tại địa bàn.

đ) Triển khai các dự án mua bất động sản làm trụ sở làm việc, nhà riêng Đại sứ, nhà ở cho cán bộ, nhân viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thuộc sở hữu của Nhà nước với tiến độ trung bình mỗi năm mua 02-03 trụ sở. Phấn đấu đến năm 2045, 100% cơ quan đại diện Việt Nam tại địa bàn trọng điểm có trụ sở hoặc công thự đối ngoại thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam.

e) Tập trung đầu tư các dự án xây mới, cải tạo những cơ sở đã xuống cấp, cần duy tu, bảo dưỡng; khắc phục, tiến tới giải quyết triệt để tình trạng thiếu diện tích, thiếu không gian làm việc và sinh hoạt của cán bộ ở ngoài nước.

g) Nghiên cứu đề xuất xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế đặc thù về tài chính, tài sản, đầu tư công bảo đảm đầy đủ nguồn lực cho ngành Ngoại giao thực hiện hiệu quả, thắng lợi các nhiệm vụ đối ngoại, đặc biệt là ngân sách đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ngân sách cho một số hoạt động đối ngoại đặc thù tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đồng bộ, hiện đại, tương xứng với thể và lực của đất nước. Nghiên cứu, kiến nghị cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy định hiện hành về mua sở hữu, bán bất động sản, xây mới trụ sở cơ

quan đại diện phù hợp với tính chất đặc thù của ngành Ngoại giao, trong đó nghiên cứu bổ sung quy định tại Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để được thực hiện việc mua sở hữu bất động sản cơ quan đại diện theo trình tự dự án khẩn cấp khi phát sinh nhu cầu cần mua bất động sản ngoài danh mục đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.

h) Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng. Thực hiện thay thế đồng bộ trang thiết bị làm việc, sinh hoạt và đi lại đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, phù hợp tiêu chuẩn, định mức quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; bảo đảm yêu cầu hoạt động đối ngoại ở trong và ngoài nước.

i) Chú trọng xây dựng ngành Ngoại giao số; triển khai các dự án đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động chuyển đổi số, Chính phủ số của Bộ Ngoại giao.

k) Đầu tư thống nhất, đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin và hệ thống ứng dụng phần mềm, dịch vụ tại Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

l) Hoàn thiện mạng quản lý tri thức nội bộ, kết nối liên thông an toàn, thuận tiện, kịp thời, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức trong nước với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

m) Triển khai ứng dụng các giải pháp an toàn, an ninh cho hệ thống công nghệ thông tin toàn ngành. Hoàn thiện quy chế, quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin.

5. Xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng theo phương châm đoàn kết, đổi mới, đột phá, trách nhiệm, kỷ cương; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với mọi mặt công tác của ngành Ngoại giao, phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

b) Thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy Bộ Ngoại giao với các cấp ủy đảng của các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo phương châm “giám sát mở rộng”, “kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”; chú trọng tự kiểm tra, tăng cường giám sát thường xuyên, gắn kết công tác kiểm tra của Đảng với công tác thanh tra, kiểm tra của chính quyền.

d) Quan tâm xây dựng đội ngũ đảng viên “vừa hồng, vừa chuyên”, cần, kiệm, liêm, chính, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và lý tưởng của Đảng, lợi ích của quốc gia - dân tộc.

đ) Nâng cao trách nhiệm nêu gương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của Bí thư cấp ủy và người đứng đầu theo đúng chủ trương của Đảng và

pháp luật của Nhà nước; phát huy vai trò hạt nhân đoàn kết; chịu trách nhiệm về quản lý cán bộ, đảng viên trong chi bộ.

6. Phát huy bản sắc ngành Ngoại giao trong kỷ nguyên mới

a) Bổ sung, hoàn thiện lý luận ngoại giao Việt Nam; kế thừa và phát huy truyền thống ngoại giao hòa hiếu của dân tộc, sự minh triết, nhân văn trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh; tham khảo có chọn lọc tinh hoa của nền ngoại giao quốc tế.

b) Vun đắp, bảo vệ và phát triển hệ giá trị của ngành Ngoại giao: Trung thành - Đoàn kết - Bản lĩnh - Trí tuệ - Sáng tạo.

c) Nghiên cứu, xây dựng và phổ biến bộ nhận diện hình ảnh và tiêu ngữ của ngành Ngoại giao. Hoàn thiện và áp dụng bộ nhận diện hình ảnh của ngành Ngoại giao tại tất cả các trụ sở làm việc.

d) Đẩy mạnh xây dựng các sản phẩm truyền thông số và ứng dụng mạng xã hội trong cung cấp thông tin đến công chúng về lịch sử, truyền thống và các hoạt động của ngành Ngoại giao.

đ) Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao hiệu quả thông tin truyền thông, sẵn sàng ứng phó và xử lý kịp thời, hiệu quả các sự cố truyền thông phát sinh.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, các nguồn hỗ trợ, viện trợ, tài trợ và huy động hợp pháp khác từ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Bộ Ngoại giao

a) Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ:

- Nghiên cứu, rà soát, ban hành hoặc đề xuất ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực ngoại giao và các lĩnh vực liên quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Nghiên cứu thực hiện phương án tổ chức cơ cấu tinh gọn hợp lý, xây dựng danh mục vị trí việc làm gắn với chuẩn hóa đội ngũ cán bộ; đề xuất một số phương án thí điểm mang tính đột phá, vượt trội để vừa góp phần tinh giản biên chế, vừa thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu; đề xuất cải thiện chế độ tiền lương, sinh hoạt phí và chính sách đãi ngộ, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức ngành Ngoại giao.

- Rà soát, đề xuất phương án bảo đảm cơ sở vật chất của Bộ Ngoại giao và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tương xứng với tiềm lực, vị thế của đất nước.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan nghiên cứu, phát triển các nền tảng, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin bảo mật và chuyển đổi số trong ngành.

b) Chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, giải pháp phù hợp với địa bàn.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc triển khai thực hiện và phối hợp thực hiện Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao tại các bộ, ngành, địa phương.

d) Chủ trì tiến hành sơ kết, tổng kết và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao.

2. Bộ Tư pháp

Thẩm định, góp ý đối với các đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế.

3. Bộ Tài chính

- Bảo đảm bố trí ngân sách phù hợp, hiệu quả cho triển khai công tác đối ngoại, tổ chức bộ máy và xây dựng cơ sở vật chất của ngành Ngoại giao, tương xứng với yêu cầu đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

- Trên cơ sở đề xuất của Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao từ nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước và chi đầu tư phát triển trung hạn, hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công, đảm bảo phù hợp, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Căn cứ các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan kiện toàn tổ chức bộ máy phục vụ đối ngoại và hội nhập quốc tế; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực làm việc trong môi trường quốc tế của đội ngũ cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

- Chủ động rà soát, phối hợp với Bộ Ngoại giao hoàn thiện cơ chế và quy trình phối hợp công tác theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

5. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các bộ, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Bộ Ngoại giao báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU
KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGOẠI GIAO
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng/ Đơn vị	Mốc thời gian
1	Mở rộng mạng lưới cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.	115 cơ quan	Đến 2030
		150 cơ quan	Đến 2045
2	Gia tăng số lượng các trụ sở làm việc, công thự của Cơ quan đại diện thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam ở nước ngoài.	Trung bình 02-03 trụ sở/năm	Hàng năm
3	Các cơ quan đại diện tại các địa bàn chiến lược, trọng điểm đều có trụ sở riêng, công thự riêng thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam.	100%	Đến 2045
4	Công trình xây dựng thuộc sở hữu của Việt Nam trên thế giới được quản trị và duy tu, bảo dưỡng định kỳ.	100%	Đến 2030
5	Cán bộ ngành Ngoại giao được quán triệt, đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước trước khi đi công tác nhiệm kỳ ở nước ngoài.	100%	Hàng năm
6	Tỷ lệ các lĩnh vực chủ chốt, trọng tâm của Bộ Ngoại giao có đội ngũ chuyên gia, chuyên sâu.	70%	Đến 2030
		100%	Đến 2045
7	Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trở lên và cán bộ tham mưu về công tác đối ngoại ở Trung ương đủ năng lực, điều kiện làm việc trong môi trường quốc tế.	80%	Đến 2030
		100%	Đến 2045
8	Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trở lên và cán bộ tham mưu về công tác đối ngoại ở cấp tỉnh, thành phố đủ năng lực, điều kiện làm việc trong môi trường quốc tế.	80%	Đến 2030
		100%	Đến 2045
9	Các cơ quan đại diện đều được bố trí cán bộ có thể sử dụng ngôn ngữ làm việc tại địa bàn.	100%	Đến 2045
10	Hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu về di cư.	Cơ sở dữ liệu	Trong năm 2025

11	Hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng nền tảng lãnh sự dùng chung cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.	Nền tảng công nghệ	Giai đoạn 2026-2030
12	Công việc và văn bản của ngành Ngoại giao không có thông tin, nội dung chứa bí mật nhà nước được xử lý trên môi trường mạng.	100%	Năm 2030
13	Công việc và văn bản toàn ngành Ngoại giao được xử lý trên môi trường mạng.	100%	Năm 2045
14	Cán bộ được trang bị máy móc, thiết bị theo đúng tiêu chuẩn, định mức, bảo đảm kết nối an toàn.	100%	Năm 2030
15	Cán bộ ngoại giao được bồi dưỡng kiến thức cơ bản về truyền thống ngành và sứ mệnh ngoại giao.	100%	Từ năm 2028
16	Hoàn thiện và phổ cập Bộ nhận diện hình ảnh của ngành Ngoại giao Việt Nam.	100% cơ quan đại diện	Năm 2045



Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH

VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGOẠI GIAO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/dự kiến sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	I. Hoàn thiện thể chế, cải tiến quy trình làm việc, tăng cường cơ chế phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực đối ngoại				
1.1	Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về định hướng sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, quản lý tập trung, thống nhất cơ quan đại diện và hoạt động đối ngoại, tăng thời gian nhiệm kỳ công tác của thành viên cơ quan đại diện phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ công tác tại địa bàn	Bộ Ngoại giao	Các Bộ	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2025
1.2	Xây dựng, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao	Các Bộ	Luật	Quý IV/2026
1.3	Xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật về hàm, cấp ngoại giao	Bộ Ngoại giao	Các Bộ	Luật	Trong năm 2027
1.4	Xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật điều chỉnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam	Bộ Ngoại giao	Các Bộ	Luật	Trong năm 2028

1.5	Xây dựng và trình Bộ Chính trị ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015 về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại	Bộ Ngoại giao	Các Bộ, cơ quan liên quan	Quyết định của Bộ Chính trị	Quý III/2025
1.6	Trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phối hợp triển khai công tác đối ngoại giữa Bộ Ngoại giao và Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan	Quy chế	Quý IV/2025
1.7	Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quy trình, thủ tục mua sắm, đầu tư, đấu thầu tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế.	Bộ Ngoại giao	Các Bộ Tài chính, Xây dựng, Tư pháp	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2025
1.8	Nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên.	Bộ Ngoại giao	Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương	Báo cáo nghiên cứu & khuyến nghị chính sách	Thường xuyên
1.9	Xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế	Bộ Ngoại giao	Bộ Tư pháp	Luật	2025
1.10	Xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thỏa thuận quốc tế	Bộ Ngoại giao	Bộ Tư pháp	Luật	2026
1.11	Trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản chỉ đạo về công tác ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.	Bộ Ngoại giao	Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Chỉ thị của Bộ Chính trị hoặc của Ban Bí thư	Quý III/2025

1.12	Xây dựng cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế	Bộ Ngoại giao	Bộ Tư pháp	Cơ sở dữ liệu	2026
1.13	Hoàn thành và đưa vào sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu về di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài	Bộ Ngoại giao	Bộ Công an	Cơ sở dữ liệu	Quý IV/2025
1.14	Hoàn thành và đưa vào sử dụng, khai thác nền tảng lãnh sự dùng chung	Bộ Ngoại giao	Bộ Công an, Bộ Tư pháp	Hệ thống thông tin, phần mềm	Trong năm 2030
1.15	Bổ sung các hình thức thông tin báo cáo mới, bảo đảm tính kịp thời; tăng cường báo cáo chính sách, báo cáo động thái ngắn hạn, trung hạn; chú trọng hơn nữa hàm lượng tham mưu, dự báo chiến lược	Bộ Ngoại giao		Các báo cáo	Thường xuyên
1.16	Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy trình công tác và xử lý công việc theo hướng đẩy mạnh số hoá, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả triển khai công việc	Bộ Ngoại giao		Các quy chế, quy trình, phần mềm	Thường xuyên
1.17	Kiểm toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban liên Chính phủ, Ủy ban hỗn hợp song phương	Các Bộ giữ vai trò Chủ tịch Phân ban	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	các Quyết định thành lập/điều chỉnh Phân ban Việt Nam trong các Ủy ban liên Chính phủ, Ủy ban hỗn hợp song phương	Thường xuyên
1.18	Xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các bộ, ngành, địa phương trong nước	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành, địa phương	Thông tư	2026

	II. KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA BỘ NGOẠI GIAO VÀ CÁC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI TÍNH GỌN HỢP LÝ, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ, CHUYÊN NGHIỆP				
2.1	Rà soát, xây dựng Kế hoạch triển khai hệ thống các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2045 và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Bộ Ngoại giao	Các Bộ	Báo cáo, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2025
2.2	Tham khảo kinh nghiệm quốc tế, xây dựng Báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xuất triển khai các hình thức, cơ chế đại diện nhà nước ở nước ngoài phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của pháp luật (ví dụ: cơ chế Đặc phái viên của Lãnh đạo cấp cao trong một số lĩnh vực như khoa học công nghệ, biến đổi khí hậu...)	Bộ Ngoại giao	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính	Báo cáo nghiên cứu & khuyến nghị chính sách	Quý II/2026
2.3	Hoàn thiện, phê duyệt đề án vị trí việc làm tại các đơn vị hành chính của Bộ Ngoại giao sau khi tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và nhân sự của Ban Đối ngoại Trung ương và một số nhiệm vụ của Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội	Bộ Ngoại giao	Bộ Nội vụ	Quyết định	Đã hoàn thành
2.4	Xây dựng, hoàn thiện và phê duyệt Đề án, danh mục, bảng mô tả vị trí việc làm tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao	Các Bộ có biên chế tại các cơ quan đại diện	Quyết định	Quý IV/2026
2.5	Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chỉ tiêu biên chế các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo từng giai đoạn	Bộ Ngoại giao	Bộ Nội vụ và các Bộ có biên chế tại các cơ quan đại	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý I/2026 (thời điểm Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị)

			diện		giao chỉ tiêu biên chế)
2.6	Thực hiện điều chuyển biên chế giữa các cơ quan đại diện theo thẩm quyền được Thủ tướng Chính phủ phân cấp	Bộ Ngoại giao	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các Bộ có biên chế tại các cơ quan đại diện	Kế hoạch	Thường xuyên
2.7	Xây dựng, trình Chính phủ thông qua chủ trương thành lập mới các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo từng giai đoạn	Bộ Ngoại giao	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính	Tờ trình và Nghị quyết Chính phủ	Thường xuyên
2.8	Rà soát, xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo hướng nâng cao thẩm quyền, trách nhiệm chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Người đứng đầu Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao	Các Bộ có biên chế tại các cơ quan đại diện	Quyết định	Quý IV/2026
	III. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ngoại giao và công chức, viên chức làm công tác đối ngoại của bộ, ngành ở trung ương và địa phương				
3.1	Phê duyệt và triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trong giai đoạn 2025-2030	Bộ Ngoại giao	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính	Quyết định ban hành Kế hoạch	Quý IV/2025

3.2	Nghiên cứu, xây dựng phương án quy hoạch, phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ chuyên sâu trong một số lĩnh vực ưu tiên của ngành Ngoại giao.	Bộ Ngoại giao	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính	Báo cáo nghiên cứu & khuyến nghị chính sách	Quý I/2026
3.3	Xây dựng cơ chế thực hiện chế độ hợp đồng chuyên gia sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số vị trí yêu cầu chuyên môn cao và kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đối ngoại.	Bộ Ngoại giao	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính	Báo cáo nghiên cứu & khuyến nghị chính sách	Quý I/2026
3.4	Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các bộ, ngành, địa phương và đội ngũ làm công tác đối ngoại nhân dân đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế trong kỷ nguyên mới	Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan và địa phương	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2025
3.5	Thực hiện thí điểm phân cấp, uỷ quyền cho cán bộ mang hàm ngoại giao cao cấp được đại diện cho Lãnh đạo Bộ Ngoại giao trình bày, báo cáo về một số nội dung thuộc phạm vi quản lý của Bộ Ngoại giao hoặc chủ trì đàm phán, làm trưởng đoàn tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế	Bộ Ngoại giao		Quy chế	Quý IV/2025
3.6	Rà soát, đánh giá và báo cáo cấp có thẩm quyền về việc tiếp tục thực hiện cơ chế Trợ lý Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Bộ Ngoại giao	Bộ Nội vụ	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2025
3.7	Phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét cải thiện chế độ sinh hoạt phí, hướng tới hoàn thiện chế độ đãi ngộ dành cho thành viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, bảo đảm cân đối với mặt bằng chung của các quốc gia cùng trình độ phát triển.	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các Bộ có biên chế tại cơ quan đại diện	Báo cáo nghiên cứu & khuyến nghị chính sách	Năm 2027

	IV. Đồng bộ hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, thông minh, số hóa và kết nối rộng				
4.1	Triển khai rà soát, sắp xếp cơ sở nhà đất Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính và các Bộ có biên chế tại cơ quan đại diện	Quyết định	Quý II/2026
4.2	Triển khai các dự án mua bất động sản, trụ sở, công thự thuộc sở hữu của Nhà nước phục vụ công tác đối ngoại; phân đầu trung bình mỗi năm mua 02-03 trụ sở hướng đến mục tiêu đến năm 2045, 100% cơ quan đại diện Việt Nam tại địa bàn trọng điểm có trụ sở hoặc công thự đối ngoại thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam.	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính	Dự án đầu tư công	2045
4.3	Nghiên cứu bố trí trụ sở làm việc chung của cơ quan đại diện và các bộ phận trực thuộc trên cùng địa bàn, đặc biệt là đối với các dự án mua mới trụ sở, bảo đảm hiệu quả quản lý và an toàn, an ninh, hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế.	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính và các Bộ có biên chế tại cơ quan đại diện	Báo cáo nghiên cứu & khuyến nghị chính sách	Thường xuyên
4.4	Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2026-2030	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính	Quyết định	Giai đoạn 2026 - 2030
4.5	Rà soát, hoàn thiện việc xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng của Bộ Ngoại giao và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính	Quyết định	Quý II/2026

4.6	Rà soát xây dựng ban hành kế hoạch triển khai việc cải tạo sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ các công trình trụ sở nhà ở, nhà làm việc của các đơn vị trong nước và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nhằm sử dụng hiệu quả, lâu dài.	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính	Quyết định	Quý IV/2025
4.7	Rà soát xây dựng ban hành kế hoạch triển khai việc mua sắm, đổi mới trang thiết bị làm việc, sinh hoạt và phương tiện đi lại của các đơn vị trong nước và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đảm bảo đồng bộ, hiện đại.	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính	Quyết định	Quý IV/2025
4.8	Rà soát kiến nghị hoàn thiện một số cơ chế đặc thù về tài chính, tài sản, đầu tư công bảo đảm đầy đủ nguồn lực cho ngành ngoại giao thực hiện hiệu quả, thắng lợi các nhiệm vụ đối ngoại, đặc biệt là ngân sách đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ngân sách cho một số hoạt động đối ngoại đặc thù tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đồng bộ hiện đại, tương xứng với thế và lực của đất nước. Nghiên cứu, kiến nghị cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy định hiện hành về mua sắm hữu, bán bất động sản, xây mới trụ sở cơ quan đại diện phù hợp với tính chất đặc thù của ngành Ngoại giao, để được thực hiện việc mua sắm hữu bất động sản cơ quan đại diện theo trình tự dự án khẩn cấp khi phát sinh nhu cầu cần mua bất động sản ngoài danh mục đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.	Bộ Tài chính Bộ Ngoại giao Bộ Tài chính	Bộ Ngoại giao Bộ Tài chính Bộ Ngoại giao	Nghị định thay thế Nghị định số 117/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 Thông tư thay thế các Thông tư số 812/2012/TT-BTC và số 366/2013/TT-BTC	Quý IV/2025 Quý IV/2025 Quý IV/2025

4.9	Bảo đảm ngân sách đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đồng bộ, hiện đại, phù hợp với thể và lực của đất nước.	Bộ Tài chính	Bộ Ngoại giao và các Bộ được bố trí kinh phí độc lập tại cơ quan đại diện	Quyết định	Thường xuyên
4.10	Thiết lập hệ thống thông tin theo mô hình Hiện đại - An toàn - Thông minh - Thuận tiện; triển khai ứng dụng theo hướng Đồng bộ - Thống nhất - Tích hợp - Chia sẻ; bám sát định hướng về chuyển đổi số của Chính phủ.	Bộ Ngoại giao		Hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu	Thường xuyên
4.11	Triển khai các dự án đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động chuyển đổi số, Chính phủ số của Bộ Ngoại giao.	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ	Dự án đầu tư	Thường xuyên
4.12	Đầu tư thống nhất, đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin và hệ thống ứng dụng phần mềm, dịch vụ tại Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.	Bộ Ngoại giao	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ	Dự án đầu tư	Thường xuyên
4.13	Hoàn thiện mạng quản lý tri thức nội bộ, kết nối liên thông an toàn, thuận tiện, kịp thời, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức trong nước với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Nâng cao chất lượng công tác thống kê và tích hợp dữ liệu; ưu tiên nâng cấp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về cán bộ đảng viên, lãnh sự, luật pháp quốc tế, biên giới lãnh thổ...	Bộ Ngoại giao		Hệ thống thông tin/Phần mềm/ Cơ sở dữ liệu	Thường xuyên

	V. Xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh				
5.1	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với mọi mặt công tác của ngành Ngoại giao, phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.	Bộ Ngoại giao			Thường xuyên
5.2	Thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy Bộ Ngoại giao với các cấp ủy đảng của các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương.	Bộ Ngoại giao			Thường xuyên
5.3	Xây dựng cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên, số hóa hồ sơ đảng viên.	Bộ Ngoại giao		Cơ sở dữ liệu	Thường xuyên
5.4	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo phương châm “giám sát mở rộng”, “kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”, chú trọng tự kiểm tra, tự giám sát; gắn kết công tác kiểm tra của Đảng với công tác thanh tra, kiểm tra của chính quyền.	Bộ Ngoại giao		Kế hoạch, chương trình kiểm tra, giám sát	Thường xuyên
5.5	Quan tâm xây dựng đội ngũ đảng viên “vừa hồng, vừa chuyên”, cần, kiệm, liêm, chính, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và lý tưởng của Đảng, lợi ích của quốc gia - dân tộc.	Bộ Ngoại giao			Thường xuyên
5.6	Nâng cao trách nhiệm nêu gương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm Bí thư cấp ủy và người đứng đầu theo đúng chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước; phát huy vai trò hạt nhân đoàn kết; chịu trách nhiệm về quản lý cán bộ, đảng viên trong chi bộ.	Bộ Ngoại giao			Thường xuyên

	VI. Phát huy bản sắc ngành Ngoại giao trong kỷ nguyên mới				
6.1	Bổ sung, hoàn thiện lý luận ngoại giao Việt Nam; kế thừa và phát huy truyền thống ngoại giao hòa hiếu của dân tộc, sự minh triết, nhân văn trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh; tham khảo có chọn lọc tinh hoa của nền ngoại giao quốc tế.	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan	Các báo cáo chuyên đề, đề tài nghiên cứu khoa học	Thường xuyên
6.2	Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về lịch sử, truyền thống, bảo vệ và phát triển hệ giá trị của ngành Ngoại giao	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	Thường xuyên
6.3	Nghiên cứu, xây dựng và phổ biến bộ nhận diện hình ảnh và tiêu ngữ của ngành Ngoại giao. Hoàn thiện và áp dụng Bộ nhận diện hình ảnh của ngành Ngoại giao Việt Nam tại tất cả các trụ sở làm việc ở trong và ngoài nước.	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan	Đề án	Quý I/2026
6.4	Đẩy mạnh xây dựng các sản phẩm truyền thông số và ứng dụng mạng xã hội trong cung cấp thông tin đến công chúng về lịch sử, truyền thống và các hoạt động của ngành Ngoại giao.	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan	Đề án	Quý I/2026
6.5	Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao hiệu quả thông tin truyền thông, sẵn sàng ứng phó và xử lý kịp thời, hiệu quả các sự cố truyền thông phát sinh.	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan	Báo cáo nghiên cứu & khuyến nghị chính sách	Thường xuyên